

# TÂM QUAN TRỌNG VỀ KINH TẾ VÀ VĂN HÓA CỦA CÁC HỘI TƯƠNG TẾ Ở MIỀN BẮC VIỆT NAM THỜI PHÁP THUỘC (1920-1945)

*Nguyễn-Marshall\**

Khi những hiện tượng giao lưu văn hoá diễn ra trong một lịch sử lâu dài, các Hội tương tế đã được nghiên cứu, đặc biệt trong lịch sử châu Á. Tâm quan trọng về kinh tế và văn hóa của những hội này đối với các xã hội tương ứng tạo lý do thích đáng để các sử gia quan tâm đến việc các hội này vận hành như thế nào và định hình các xã hội ra sao. Là một chiến lược sinh tồn và tổ chức xây dựng cộng đồng, các Hội tương tế cung cấp những khả năng quan trọng đối với một số vấn đề liên quan đến sự nghèo khổ đương thời. Khi tài chính vi mô và các tổ chức tín dụng quay vòng đóng vai trò quan trọng trong các chương trình giảm nghèo ở Việt Nam và các nước thế giới thứ ba khác, việc nghiên cứu lịch sử của các tổ chức tương trợ lẫn nhau, bao gồm các tổ chức tín dụng quay vòng, sẽ chứng tỏ là có ích.

Tài liệu này sẽ xem xét các chức năng và ý nghĩa của các Hội tương tế ở Việt Nam thời Pháp thuộc. Tôi cho rằng những Hội tương tế có vai trò quan trọng đối với cuộc sống của những người nông dân bình thường, không chỉ bởi những hội này cung cấp các phương tiện kiếm tiền cho gia đình, mà còn giúp duy trì và củng cố các bản sắc văn hoá, các phong tục địa phương và các quan hệ xã hội. Tài liệu này khác tài liệu chính thống về các Hội tương tế ở châu Âu và phương Tây ở chỗ cho rằng những hội tương trợ lẫn nhau ở Việt Nam đã củng cố các mối quan hệ và phong tục “truyền thống” hơn là tượng trưng cho một hình thức “hiện đại” của tổ chức xã hội. Đó có thể là lý do mà nhà cầm quyền thực dân Pháp và giới quan lại Việt Nam nhìn nhận các Hội tương tế với sự pha trộn giữa ngờ vực và sự khinh miệt.

Các Hội tương tế là một kiểu hội tình nguyện, được định nghĩa như “các nhóm tư nhân phi lợi nhuận, phi chính phủ, trong đó các cá nhân tham gia vào thông qua việc lựa chọn; các hội viên được sinh ra không phải để tham gia vào các hội này, cũng không phải tham gia như kiểu quân dịch, cũng không phải họ bắt buộc tham gia để kiếm sống”<sup>(1)</sup>. Các chuyên gia về lịch sử các Hội tương tế ở Pháp nhất trí rằng mục tiêu cơ bản của một Hội tương tế là bảo vệ các hội

---

\* Khoa Lịch sử, Đại học Trent. Mỹ.

viên, những người không thể làm việc do ốm đau, thương tật hoặc qua đời<sup>(2)</sup>. Thông qua việc xem xét lại việc nghiên cứu về các Hội tương tế ở Pháp vào thế kỷ XVIII và XIX, Alan Baker đã nêu bật một số kết luận “chính thống” về các tổ chức này, một trong những kết luận đó là nhìn nhận các hội tương trợ lẫn nhau là tiền thân của các tổ chức công đoàn hiện đại<sup>(3)</sup>. Theo Baker, sự nghiên cứu chính thống tiếp tục nhấn mạnh tính hiện đại của họ (các Hội tương tế) như các tổ chức công nghiệp đô thị cơ bản, đóng vai trò trong việc hình thành và phát triển ý thức về tầng lớp giữa những người thợ lành nghề được trả lương cao và các công nhân khoẻ mạnh<sup>(4)</sup>.

Quan điểm này có thể tìm thấy trong nghiên cứu về các Hội tương tế ở những nơi khác. Ví dụ như nghiên cứu của Ronaldo Munck về Argentina thừa nhận các Hội tương tế đã đặt nền móng cho phong trào lao động của Argentina<sup>(5)</sup>. Tuy nhiên, nghiên cứu riêng của Baker về vùng nông thôn Pháp không thừa nhận quan niệm cho rằng các Hội tương tế là “các hội tình nguyện của những người làm công ăn lương có cùng mục đích ở các trung tâm thương mại và công nghiệp ở thành phố”<sup>(6)</sup>.

Tài liệu này cũng minh hoạ rằng, các Hội tương tế là các hiện tượng ở nông thôn Việt Nam thời Pháp thuộc. Hơn nữa, các Hội tương tế đã góp phần củng cố các quan hệ “truyền thống”, phong tục và văn hoá ở các làng quê hơn là đưa ra một số kiểu phạm vi hoạt động công cộng hiện đại phôi thai. Các Hội tương tế bao gồm một số lớn các tổ chức tình nguyện ở Việt Nam. Các thuật ngữ tiếng Pháp và tiếng Việt của tương tế (*la société de secours mutuels, cứu tế tương trợ*) được sử dụng trong các tài liệu nhằm đề cập tới các Hội cứu trợ lương thực, các Hội lễ nghi và các tổ chức tín dụng cũng như các phường hội.

Một chủ đề khác mà tài liệu này sẽ đề cập đến là mối quan hệ không rõ ràng giữa nhà nước thuộc địa với các Hội tương tế. Ở nước Pháp thế kỷ XIX, bản thân Nhà nước cũng lưỡng lự giữa việc hạn chế và khuyến khích sự phát triển của các Hội tương tế. Vào giữa thế kỷ XIX, cơ quan lập pháp của nhà nước đã thiết lập một khuôn khổ trong đó tầm quan trọng của các Hội tương tế được thừa nhận và đến cuối thế kỷ XIX, các tổ chức này đã được hưởng sự tự do hơn<sup>(7)</sup>. Đối với Chính phủ thuộc địa ở Việt Nam, các Hội tương tế cho thấy một tình thế tiến thoái lưỡng nan khó khăn hơn. Do sự kém nhiệt tình trong việc tiêu tốn các tiềm lực quốc gia vào các khoản lương thực dự trữ phúc lợi ở thuộc địa so với ở chính quốc, chính quyền nhìn nhận các Hội tương tế như một công cụ vô giá trong việc đấu tranh với nạn thiếu lương thực mang tính chu kỳ và khủng hoảng kinh tế. Chỉ khi các Hội tương tế được nhìn nhận như một nhóm các nhà hoạt động xã hội và những người ủng hộ chế độ cộng hoà ở Pháp thế kỷ XIX<sup>(8)</sup>, các Hội ái hữu ở Việt Nam được soi xét với sự nghi ngờ rằng đây có thể là một mặt trận cho hoạt động chống thực dân, mà trên thực tế một số Hội đúng là như vậy. Hơn nữa, ở nước Pháp cuối thế kỷ XIX, tư tưởng đoàn kết và thuyết hỗ sinh trở nên phổ biến và được thảo luận tích cực giữa các triết gia xã hội và những người cầm quyền. Tư tưởng này đã tìm thấy con đường đi vào các cuộc thảo luận thuộc địa ở Đông

Dương và điều này đã hình thành bối cảnh trong đó nhà cầm quyền Pháp thảo luận với các Hội tương tế ở Việt Nam.

## I. CÁC HỘI TƯƠNG TẾ Ở MIỀN BẮC VIỆT NAM

Có một ý thức hệ chung mạnh mẽ mang tính đặc trưng ở các làng quê miền Bắc Việt Nam, được khuyến khích bởi các vị vua chúa Việt Nam trong thế kỷ XIX, và được thể hiện trên thực tế bằng hệ thống đất công và trong hệ thống lương thực. Được lưu giữ trong một số bản hương ước (giải thích các truyền thống, phong tục và luật lệ của riêng làng), với sự kỳ vọng rằng tất cả các thành viên của làng sẽ giúp đỡ nhau trong lúc hoạn nạn và cùng tham gia các công việc chung của cộng đồng. Theo Bùi Xuân Đính, một chuyên gia về hương ước, trách nhiệm của một cá nhân về các nghĩa vụ đối với làng xóm được cho là tối quan trọng và nếu ông ta/bà ta không thể thực hiện những bổn phận này, thì điều đó có nghĩa là một sự ô nhục đối với gia đình và tổ tiên<sup>(9)</sup>. Những nguyên tắc xử thế chính thức của làng do vậy buộc tất cả các thành viên phải giang tay giúp đỡ các thành viên trong làng khi cần thiết, với sự đe dọa bị tẩy chay hoặc bị trừng phạt nếu lẩn tránh trách nhiệm. Rõ ràng là ý tưởng này không phải lúc nào cũng phù hợp với thực tế, bởi vì có nhiều toan tính tham nhũng, lừa đảo và đầu cơ bởi các quan chức và những người có địa vị trong làng, thậm chí ngay cả trong những lúc khó khăn chung. Tuy nhiên, sự hợp tác với nhau và luật lệ chung của làng là những chuẩn mực bắt buộc và được trông đợi.

Các Hội tương tế được dựa trên cơ sở có đi có lại mang tính kết cấu, trái ngược với thiện chí tự phát. Ở cấp làng xã và hàng xóm láng giềng, có nhiều kiểu Hội tương tế mang tính tự nguyện, tự nhân và có tổ chức, có khả năng hỗ trợ về tài chính và tinh thần cho hội viên. Những hội này có thể được tổ chức như một hội trao đổi lao động, một hội cho vay luân phiên hoặc một hội hỗ trợ về lễ nghi<sup>(10)</sup>. Các hội trao đổi lao động thường được tổ chức giữa những người cùng ngành nghề; ví dụ như Hội nông dân, những người trồng cấy thuê hoặc thợ thủ công. Các hội viên sẽ giúp nhau chuẩn bị cánh đồng, chăm sóc đàn trâu của nhau, tiến hành canh ruộng vào ban đêm hoặc chia sẻ công cụ và súc vật kéo<sup>(11)</sup>. Ngoài việc trao đổi công việc, các phường hội nghề nghiệp có thể tổ chức những bữa tiệc theo nghi lễ và các hoạt động kỷ niệm mang tính tập thể<sup>(12)</sup>. Những dịp này có thể là những sự kiện tôn giáo và/hoặc xã hội, nơi các đồ cúng sẽ đảm bảo sự che chở của các vị Thần thích hợp, đồng thời ràng buộc các thành viên với nhau thuận tiện cho sự hợp tác trong tương lai. Các Hội tín dụng quay vòng thường được tổ chức giữa những người cùng thôn xóm, hàng xóm láng giềng hoặc cùng phố. Các hội viên phải góp tiền lại với nhau và từng thành viên khi đến lượt sẽ được dùng một số vốn tương đối lớn để đầu tư làm ăn, hoặc để chi cho một nghi lễ quan trọng trong gia đình hoặc một lễ kỷ niệm<sup>(13)</sup>. Những hội trợ giúp lễ nghi được tổ chức đặc biệt để giúp đỡ các hội viên có tiền tổ chức ma chay, cưới xin hoặc chi tiêu trong dịp Tết Nguyên đán. Những hội này hoạt động theo cách thức tương tự như các Hội tín dụng quay vòng, trong đó họ yêu cầu các hội viên định kỳ đóng góp

một lượng tiền nhỏ để có thể vay một số tiền tính gộp lại khi đến lượt hoặc khi cần thiết (chẳng hạn như phải tổ chức ma chay).

Các quy định của các Hội tương tế có trong bộ sưu tập của Nha dân cư Bắc Bộ chủ yếu thuộc kiểu hỗ trợ lễ nghi. Do quy định của Hội Hợp Thiện (Từ thiện) ở tỉnh Hải Ninh cung cấp một sự mô tả khá chi tiết những gì mà những hội viên sáng lập hy vọng đạt được nên tôi sẽ tập trung vào hội này như một ví dụ. Với 53 hội viên, hội này nộp đơn xin phép hoạt động vào năm 1938. Hội Hợp Thiện tuyên bố mục tiêu chính của hội là giúp đỡ các thành viên và người nghèo trong việc tổ chức các lễ nghi trong đám ma. Người sáng lập và là Chủ tịch hội là Ngô Kiều, huyện trưởng huyện Móng Cái, thủ phủ của khu quân sự Hải Ninh. Việc kết nạp hội viên được mở rộng với đàn ông trên 18 tuổi, có danh tiếng, các nhóm sắc tộc Việt, Nùng, Thổ hoặc Mán. Có bốn kiểu hội viên khác nhau: hội viên sáng lập, hội viên danh dự, người hưởng hoa lợi (những người góp trên 50 đồng cho Hội) và các hội viên bình thường. Các hội viên bình thường phải nộp 2 đồng lệ phí nhập hội và việc họ xin gia nhập phải được ban giám đốc xem xét để được chấp thuận. Phí hội viên thu được sẽ cho phép hội mua một số vật dụng dùng trong tang lễ như xe tang, trống, áo tang và các nhạc cụ dùng trong tang lễ.

Các mục từ 11 đến 19 (9 trong số 33 mục) phác thảo trình tự trong một đám tang. Khi có một hội viên qua đời, vợ của hội viên này, bố mẹ đẻ hoặc bố mẹ vợ và toàn thể hội viên mỗi người phải góp 40 xu để mua những đồ dùng trong đám tang (bao gồm một băng tang, hai chai rượu trắng, hương và nến) và giúp gia đình tổ chức tang lễ. Gia đình của người chết cũng có thể xin hội giúp tổ chức các nghi thức tang lễ, đào mồ hoặc giúp chuyển quan tài ra nghĩa địa. Nếu gia đình có tang có nguyện vọng được hội giúp đỡ, một thành viên trong gia đình phải mang một cối trầu cau đến gặp Chủ tịch hội. Hội có thể đưa ra sự giúp đỡ chỉ theo những cách thức được đề cập ở trên; nếu muốn hội giúp đỡ làm những việc khác ngoài những việc trên, gia đình có tang phải thuê người khác.

Những hội viên lẩn tránh trách nhiệm đối với hội hoặc có cách ứng xử không phù hợp với nghi thức theo quy tắc hoạt động của hội và tang lễ sẽ bị phạt và sau 6 lần bị phạt, họ sẽ bị khai trừ khỏi hội. Ngoài việc giúp đỡ hội viên tổ chức tang lễ, hội cũng yêu cầu chính quyền cấp một mảnh đất để dùng làm nghĩa trang cho hội. Các hội viên có thể được chôn cất miễn phí ở đây, trong khi những người không phải hội viên sẽ phải nộp lệ phí, phí tổn thuộc vào miếng đất muốn chôn. Nếu quỹ hội cho phép, hội sẽ thôi không thu lệ phí thuê đồ tang cho những gia đình nghèo và cho phép họ được chôn ở trong nghĩa địa trên mà không phải trả tiền.

Điều đáng chú ý trong điều lệ của hội là những chi tiết quy định tỉ mỉ đề cập đến lễ tân và các nghi thức xung quanh hoạt động của hội và nghi thức tang lễ. Ví dụ, muốn tiếp cận Chủ tịch hội, người ta phải mang một cối trầu cau, được xem là một lễ vật theo phong tục. Cách cư xử của các hội viên trong tang lễ cũng được chỉ rõ. Tóm lại, trong khi hội cung cấp sự hỗ trợ về tài chính, nhân

lực và tinh thần cho hội viên tiến hành một đám tang theo đúng phong tục địa phương, cũng đồng thời giúp gìn giữ những phong tục này.

Có nhiều hội khác được tổ chức tương tự như Hội Hợp Thiện của tỉnh Hải Ninh. Các hội này có ở cả các tỉnh vùng cao cũng như các tỉnh đồng bằng châu thổ sông Hồng dân cư tập trung đông đúc. Một số ví dụ như Hội Hiếu (Bắc Ninh, 1937); Quảng Thiên Hội (Quảng Yên, 1921); Tập Phúc Hội (Hòn Gai, 1939); Liên - Sơn Quảng Thiên Hội (Vĩnh Yên, 1939); Bắc Tế (Nam Định, 1926)<sup>(14)</sup>.

Có những Hội tương tế tham gia vào nhiều hoạt động khác ngoài tang lễ. Ví dụ như Hội Chí Thiện ở Bắc Kạn được thành lập để giúp đỡ các hội viên trong những dịp tang lễ ngoài chức năng của một tổ chức từ thiện. Những quy tắc của hội này cho thấy mục tiêu của hội như sau: phân phát từ thiện, tổ chức tang lễ, giúp đỡ những người nghèo khổ hoặc những nạn nhân bị thiên tai và chôn cất những người bần cùng khi qua đời<sup>(15)</sup>. Đóng trụ sở tại chùa Âm Hồn, hội này kết nạp cả đàn ông và phụ nữ, người già và người trẻ, những người muốn tham gia công việc từ thiện. Do vậy, hội này không chỉ là một Hội tương tế mà còn là một Hội tôn giáo và từ thiện. Trong khi giúp đỡ hội viên tổ chức tang lễ và các lễ kỷ niệm khác của cuộc đời, chẳng hạn như cưới xin, hội này cũng dành tiền để giúp đỡ những người nghèo khó lúc qua đời (tối đa là 5 đồng cho một lần chôn cất), và giúp đỡ người nghèo hoặc những người bị ảnh hưởng bởi thiên tai (3 đồng một lần). Hội cũng tiến hành nhiều nghi lễ trên chùa và chấp nhận những người muốn mua *hậu*, một sự sắp đặt trong đó những người, thường là những người không có con, sẽ trả tiền cho hội và đổi lại hội sẽ tiến hành những nghi thức cần thiết trong những ngày giỗ của họ. Phí tổn cho việc mua *hậu* là 6 đồng đối với hội viên và 8 đồng với những người không phải hội viên.

Một kiểu Hội tương tế khác là Hội xây dựng các kho thóc để tích trữ thóc lúa trong những lúc giáp hạt. Hội Quảng Huế, được thành lập ở huyện Quảng Uyên của tỉnh Cao Bằng vào năm 1908, là một ví dụ của kiểu hội này. Huyện Quảng Uyên được thành lập trên cơ sở gồm 4 tổng và 27 làng/xã, do vậy tổ chức này đòi hỏi sự điều phối và các mối liên kết trong nội bộ làng. Mục tiêu của hội này là xây dựng một kho thóc và ngay khi tiềm lực của hội đạt đến hoặc là 10 ngàn đồng hoặc một triệu kg thóc, hội sẽ phân phát trợ cấp cho hội viên như sau:

Trong trường hợp cháy nhà, mỗi hội viên sẽ nhận được 6 đồng.

Trong trường hợp mùa màng bị mất trắng, mỗi gia đình sẽ được nhận 400 kg thóc hoặc 6 đồng, nếu chỉ mất một phần mùa vụ thì các gia đình sẽ nhận được một nửa số trợ cấp trên.

Hội sẽ cung cấp sự trợ giúp cho các gia đình nghèo trong huyện, chẳng hạn như nhóm gia đình người Hoa gần đây đã đến định cư trong vùng. Một gia đình gồm 5 người sẽ được nhận hai con bò hoặc hai con trâu. Bê và nghé sinh ra sẽ thuộc về hội.

Hội cũng sẽ giúp đỡ 15 học sinh học ở trường Việt-Pháp. Những học sinh này phải thông minh, ham học và phải được chọn lọc từ những gia đình nghèo nhất.

Một hội tương tự cũng được thành lập ở tỉnh Nam Định. Hội này mang tên Hội Tư Ích hoạt động vào năm 1926 ở làng Ninh Cường (huyện Trực Ninh). Theo chính quyền Việt Nam của tỉnh, Hội Tư Ích chỉ là một trong những hội thuộc kiểu này ở khu vực nông thôn của tỉnh<sup>(16)</sup>. Mục tiêu của Hội Tư Ích là mua và tích trữ thóc lúa nhằm hỗ trợ hội viên trong những thời kỳ giáp hạt. Hội có 20 hội viên và họ đã tích trữ được 200 thùng thóc lúa vào năm 1926.

Tỉnh Phú Thọ cũng có một hội tương tự với cùng tên: Tư Ích. Hội này có nhiều chi nhánh ở nhiều làng. Hội này thu tiền mặt hoặc thóc lúa do hội viên quyên góp để cho vay với lãi suất thấp trong những thời kỳ khan hiếm lương thực<sup>(17)</sup>. Tại làng Sinh Liên ở tỉnh Hà Đông, dân làng đã xây dựng một kho dùng để tích trữ thóc, lúa phòng khi giáp hạt. Tất cả các địa chủ trong làng được yêu cầu góp xấp xỉ một nửa lít gạo cho mỗi sào (360 m<sup>2</sup>) lúa canh tác<sup>(18)</sup>.

Từ sự phác thảo nhanh một loạt Hội tương tế từng tồn tại ở miền Bắc Việt Nam vào đầu thế kỷ XX đã làm sáng tỏ một điều: đã có những hội tự giúp đỡ nhau hoạt động tích cực trên cơ sở tự nguyện trên khắp miền Bắc Việt Nam. Con số chính thức của các hội cũng như việc các hội này hoạt động trong thời gian bao lâu vẫn chưa được biết. Trong một báo cáo trình Nha quản lý dân cư Bắc Bộ, Ty quản lý dân cư tỉnh Hưng Yên đã thống kê 18 Hội tương tế hoạt động trên địa bàn tỉnh<sup>(19)</sup>. 7 trong số 18 hội trên là các Hội tang lễ, như Hội Hợp Thiện, trong khi 8 hội khác là những hội giúp đỡ cả việc cưới xin và ma chay. Trong 3 hội còn lại, một hội hoạt động trong các “công việc vì lợi ích chung”, một hội là Hội tín dụng (Đồng Lợi), và một hội được thành lập để giúp đỡ hội viên mua gia súc và nông cụ. Số hội viên dao động từ 10 đến 39 người. Báo cáo trên cũng cho biết ngoài những hội được thống kê ở trên còn có các hội trợ giúp nghi lễ tại các làng ở huyện Khoái Châu. Có lẽ những hội này không được coi là chính thức hoặc không đủ lớn để đưa vào trong báo cáo này. Ở hai huyện Yên Mỹ và Văn Lâu không có bất kỳ Hội tương tế nào.

Ngoài những hội được chính thức công nhận trên mà sự thành lập được ghi thành văn bản, có nhiều hội đã thoát khỏi sự kiểm soát của chính quyền. Ví dụ, chính quyền Pháp ở Hải Dương và Cao Bằng cho biết có những nhóm nhỏ ở các làng tương ứng đã giúp đỡ nhau trong lúc cưới xin và ma chay<sup>(20)</sup>. Những nhóm này có quy mô nhỏ và hoạt động theo những thỏa thuận miệng. Tư lệnh quân đội tỉnh Hải Ninh đã xem xét những hội cho vay luân chuyển quy mô nhỏ cho thấy, thông thường các hội này được thành lập gồm từ 10 đến 15 người<sup>(21)</sup>. Có vẻ như ngay cả chính quyền thực dân trong thời kỳ đó đã không theo dõi tất cả những Hội tương tế, nhất là những hội nhỏ và không chính thức.

## II. TẦM QUAN TRỌNG VỀ KINH TẾ VÀ VĂN HÓA CỦA NHỮNG HỘI TƯƠNG TẾ

Đối với những người nông dân thuộc tầng lớp trung nông đến người có thu nhập thấp, những Hội tương tế đưa ra một dạng bảo hiểm và bảo đảm. Như những hội

được đề cập ở phần trên cho thấy, người nông dân có thể đã tìm kiếm sự giúp đỡ trong những dịp kỷ niệm quan trọng mang tính chu kỳ của cuộc đời, trong những lần bị ốm đau và thương tật, hoặc trong một mùa vụ thất bát. Tâm quan trọng về kinh tế của những hội này có ý nghĩa vô cùng lớn trong một xã hội tràn ngập nạn cho vay nặng lãi. Hoạt động tín dụng là hiếm hoi ở một nước Việt Nam thuộc địa và trong khi tỷ lệ lãi suất theo luật định ở mức 3% thì tỷ lệ lãi suất trên thực tế thường cao hơn nhiều<sup>(22)</sup>. Theo một nhà quan sát đương thời, không hiếm trường hợp “khoản thanh toán cuối cùng lên đến gấp ba lần số tiền vay ban đầu”<sup>(23)</sup>. Để đảm bảo những khoản vay này, người nông dân phải thế chấp vụ mùa của mình với một mức giá thỏa thuận trước, thường thấp hơn nhiều so với giá thị trường. Mất mùa là một kết cục đe dọa những người nông dân nghèo đang mắc nợ<sup>(24)</sup>.

Chính quyền thuộc địa chắc chắn nhận thức được vấn nạn cho vay nặng lãi và đã cố gắng thành lập một số quỹ khẩn cấp do nhà nước điều hành hoặc các tổ chức tín dụng qua lại. Quỹ phòng xa (Caisse de Prévoyance) được thành lập năm 1907 sau khi xảy ra nạn đói khủng khiếp ở Bắc Kỳ. Theo Virginia Thompson, Caisse đã “thất bại do thiếu lòng tin, đối với những người dân bản địa họ chắc chắn rằng sẽ không bao giờ nhìn thấy tiền mà họ đã gửi vào quỹ này”<sup>(25)</sup>. Ý tưởng ban đầu đối với Caisse là thành lập một số kiểu hệ thống phòng ngừa nạn đói. Do thiếu ý chí chính trị và miễn cưỡng góp tiền vào dự án này, Nha quản lý dân cư Bắc Bộ đã chọn việc thiết lập một quỹ do chính quyền kiểm soát và được gây quỹ bằng một chính sách thuế mới đối với người nông dân<sup>(26)</sup>.

Quỹ tín dụng tương tế nông nghiệp (Crédit Mutuel Agricole) cũng được thành lập năm 1907. Từ năm 1918 đến năm 1926, 15 Caisses đã được thành lập, quản lý tới 20 triệu đồng và cho phép các hội viên vay với lãi suất thấp<sup>(27)</sup>. Trong những năm 1920, thêm 2 thể chế tín dụng được thành lập (Quỹ tín dụng nông dân - Crédit Populaire Agricole và Quỹ tín dụng tài chính Đông Dương - Crédit Foncier de l'Indochine), nhưng giống như Quỹ tín dụng tương tế (Crédit Mutuel), hai thể chế tín dụng này chỉ mang lại lợi ích cho tầng lớp phú nông và những địa chủ lớn hơn là những người nông dân có ít ruộng:

Sự thất bại trong việc đưa quần chúng nhân dân thoát khỏi cảnh nghèo khó khốn cùng là sự chỉ trích nghiêm trọng nhất mà có thể làm đổ vỡ những hoạt động tín dụng này. Một người chủ An Nam giàu có đã là người hưởng lợi lớn từ những khoản cho vay ngoại trừ những người đồng bào đang cần của mình. Giai cấp tư sản An Nam đã kiếm tiền từ những thể chế tín dụng này và cho những người nông dân nghèo vay nặng lãi...<sup>(28)</sup>

Người nghèo vẫn ít được tiếp cận các khoản vay tín dụng và đặc biệt là các khoản tín dụng cho các hoạt động kỷ niệm mang tính chu kỳ của cuộc đời.

Như tôi đã đề cập ở phần trước, các Hội tương tế, nhất là những hội tập trung vào các nghi lễ văn hóa, đóng một vai trò quan trọng trong việc duy trì các bản sắc văn hóa và tập tục truyền thống. Như điều lệ của các hội cho thấy các tập tục văn hóa quanh việc tổ chức ma chay đã được củng cố, bởi vì những hội này thậm chí cho phép cả những gia đình có địa vị thấp kém trong xã hội được tiếp

cận các đồ tang lễ quan trọng, được hỗ trợ về tiền bạc và nhân lực để tiến hành những gì được coi là một nghi lễ “đích thực”. Những sự ràng buộc có tính tôn ti từ thấp đến cao ở trong làng và huyện cũng được củng cố khi những người có uy tín và quyền lực có xu hướng trở thành Chủ tịch và ủy viên Ban quản trị của những hội này. Uy tín của các ủy viên Ban quản trị có thể sẽ giúp đảm bảo sự chấp thuận của chính quyền đối với những hội này, trong khi vị trí của họ trong hội sẽ làm tăng địa vị của họ đối với cộng đồng địa phương. Có lẽ trong các Hội tương tế nhỏ hơn và không chính thức, những hội không có điều lệ hoặc thoát khỏi sự kiểm soát của thực dân Pháp, tính tôn ti thấp hơn và sự dân chủ cũng cao hơn. Những hội này, được xây dựng trên các mối quan hệ họ hàng và địa phương truyền thống, cũng đóng vai trò trong việc củng cố tầm quan trọng của những quan hệ này. Do vậy, trong khi việc nghiên cứu những Hội tương tế ở Pháp nêu bật những hội này là những kiểu tiền thân của các tổ chức công đoàn hiện đại và là phương tiện cho sự phát triển của một lĩnh vực công cộng như thế nào, thì các Hội tương tế Việt Nam về bản chất thường tồn tại ở nông thôn và có xu hướng tập trung vào việc bảo tồn văn hóa và quan hệ truyền thống.

### III. NHÀ NƯỚC THUỘC ĐỊA VÀ CÁC HỘI TƯƠNG TẾ

Nhà nước thuộc địa, các nhà văn Pháp và Việt Nam có thái độ mơ hồ về các Hội tương tế Việt Nam. Trong những tài liệu nổi bật đánh giá về xã hội Việt Nam nói chung và các hội của người Việt Nam nói riêng, những kẻ cai trị Pháp có vẻ như thuyết phục rằng người Việt Nam không hiểu khái niệm giúp đỡ lẫn nhau hoặc quá nghi kỵ và có xu hướng tham nhũng để làm cho một tổ chức như vậy hoạt động. Những bài viết rải rác của nhà cầm quyền Pháp về các Hội tương tế là những bình luận về việc người Việt Nam thiếu hiểu biết, kiến thức và năng lực trong việc tổ chức các hội. Ty quản lý dân cư tỉnh Hà Nam năm 1906 đã cho rằng người Việt Nam ích kỷ và thiếu tình cảm vị tha để tổ chức các Hội tương tế<sup>(29)</sup>.

Những kẻ cai trị thực dân Pháp nhận thức được sự tồn tại của các Hội tương tế ở Việt Nam, nhưng họ không đề cao những tổ chức này như những mô hình của tình đoàn kết và sự phụ thuộc lẫn nhau mà thực dân Pháp ủng hộ mạnh mẽ trong những năm 1920 và 1930. Trong báo cáo về các hội địa phương ở tỉnh Phú Thọ, Ty quản lý dân cư Phú Thọ đã miêu tả hoạt động của các Hội Tư Ích (các hội tích trữ thóc lúa giành cho những lúc giáp hạt) hơn là ca ngợi sáng kiến của những người dân địa phương, cơ quan này cho rằng trong hội này tràn ngập nạn tham nhũng. Trong khi không đưa ra bằng chứng nào, Ty quản lý dân cư Phú Thọ tuyên bố rằng các quỹ này sẽ bị lãng phí và lạm dụng, chỉ mang lại lợi ích cho một số kẻ giàu có thế lực, trừ phi có cách nào đó để kiểm soát mọi hoạt động của những Hội tương tế này<sup>(30)</sup>. Trong năm 1906, chỉ huy quân sự tỉnh Hà Giang tuyên bố rằng xã hội Việt Nam không sẵn sàng cho việc tổ chức các Hội tương tế: “Người dân bản địa không hiểu được chức năng của các tổ chức tài chính và chỉ thấy duy nhất một điều - rằng họ bị ép buộc đóng góp tiền mà không chắc chắn sẽ nhận được một phần trong đó...”<sup>(31)</sup>.



Không chỉ nhà cầm quyền Pháp bị quan về khả năng của người dân bản địa trong việc tổ chức trợ giúp nhau mà những nhà văn Việt Nam tiêu biểu cũng có thái độ nghiêm khắc đối với khả năng tổ chức của người nông dân. Theo Lê Huy Ruật, một nhà văn cánh tả Tây học của tờ “Thanh Nghị”, những Hội tương tế Việt Nam bị giải thể là các hội “ăn uống”, mang lại ít sự cải thiện cho tập thể<sup>(32)</sup>. Năm 1926, Tổng đốc Nam Định giải thích cái mà ông nhìn thấy là sự thiếu vắng các Hội tương tế ở các làng quê (ngoại trừ Hội Tư Ích), hậu quả của việc người Việt Nam không biết cách thành lập một tổ chức giúp đỡ nhau, không đánh giá đúng lợi ích của việc trợ giúp lẫn nhau. Ông này tin rằng chỉ khi tinh thần của người dân đã được “khai hoá” dần dần từng bước thì họ mới có thể thành lập những Hội tương tế.

Thái độ thù địch của các nhà văn Việt Nam và nhà cầm quyền Pháp đối với các Hội tương tế có thể liên quan đến thực tế rằng những hội này quan hệ mật thiết với cuộc sống và các quan hệ làng xã, và khuyến khích các lễ nghi vốn bị coi là trái với “tính hiện đại”. Hơn nữa, xuất phát từ sự lo xa của nhà cầm quyền Pháp, những Hội tương tế này cho thấy một mối đe dọa về an ninh cũng như một mối đe dọa về chính trị. Như tôi đã đề cập, những Hội tương tế tạo cơ hội để tổ chức các hoạt động chống thực dân, một nguy cơ tiềm ẩn được lực lượng cảnh sát nội địa thừa nhận, the Surete.... Về khía cạnh này, nếu nhà cầm quyền Pháp thừa nhận rằng người nông dân Việt Nam đã biết lợi ích của sự tương hỗ và có thể tổ chức hệ thống phúc lợi hiệu quả, thì cũng có nghĩa là họ đã chấp nhận rằng có lẽ cư dân bản địa đã “tiến bộ” hơn và ít có nhu cầu về sứ mệnh “khai hoá” thực dân.

#### IV. KẾT LUẬN

Trong tài liệu ngắn gọn và mang tính thăm dò về các Hội tương tế ở Việt Nam thời Pháp thuộc cho thấy các Hội tương tế đóng một vai trò quan trọng trong đời sống của người nông dân Việt Nam. Trong khi hoạt động của những hội này có phần khác nhau ở nơi này hay nơi khác và trong những giai đoạn khác nhau, nhưng những hội này đã cung cấp những phương tiện quan trọng cho các gia đình có mức thu nhập trung bình tiết kiệm tiền bạc và đáp ứng nhu cầu chi phí lớn của gia đình, hoặc có cơ hội đầu tư và mở rộng kinh doanh. Phần lớn thành viên của các hội này không thể lâm vào cảnh nghèo đói gặt gao, nhưng nhìn chung đây là những hộ có thu nhập trung bình, bởi vì họ có thể định kỳ đóng hội phí. Sự tham gia của họ và những Hội tương tế này có thể không làm họ giàu có hoặc cải thiện đáng kể tình hình kinh tế của họ. Tuy nhiên, các hội này đã giúp đảm bảo trước các rủi ro và cứu nhiều người trong số họ tránh khỏi việc lâm vào cảnh nghèo rớt mồng tơi. Không có những hội này, nhiều gia đình sẽ buộc phải tìm các cách khác để chi tiêu cho các hoạt động kỷ niệm quan trọng của gia đình, chẳng hạn như đi vay nặng lãi hay bán đất hoặc các tài sản khác. Sự tồn tại của nhiều loại Hội tương tế cũng cho thấy tầm quan trọng của các hoạt động xã hội và tinh thần đối với các gia đình nông dân. Không thể tham gia đầy đủ vào các hoạt động kỷ niệm này chắc chắn sẽ khiến gia đình cảm thấy thiếu thốn và có lẽ thậm chí là sự nghèo đói.

**CHÚ THÍCH**

- 1, 2. Alan Baker, *Phường hội trong giai cấp nông dân Pháp: Các Hội thân thiện và tình nguyện ở Loire Valley, 1815-1914*. Cambridge: Đại học Cambridge Press, 1999, 49
2. Như trên, tr. 143.
- 3, 4. Như trên.
5. Ronaldo Munck, "Các hội làm lợi cho nhau ở Áchentina: Công nhân, dân tộc, an ninh xã hội và Chủ nghĩa công đoàn", *Tạp chí nghiên cứu châu Mỹ Latinh*, 30 (1918) 573-590.
6. Baker, 144.
7. Như trên, 145-149.
8. Như trên, 146.
9. Bùi Xuân Đính, *Lệ làng phép nước*. Hà Nội: Pháp lý, 1985, 124-125.
10. Hy Văn Lương, *Cuộc cách mạng ở làng quê*. Honolulu: Đại học Hawaii Press, 1992, 58-59
11. Nguyễn Đồng Chi, "Vài nét về biện pháp cứu tế tương trợ trong làng xã Việt Nam trước cách mạng". *Nông thôn Việt Nam trong lịch sử*, Viện Sử học biên soạn, tập 2, Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1978, 223-225.
12. Phan Kế Bính, *Phong tục Việt Nam*, tái bản, Thành phố Hồ Chí Minh: Nhà xuất bản Tổng hợp Đồng Tháp, 1990, 202.
13. Như trên, trang 225.
14. Lê Đình Diệm, Chủ tịch Hội Hiếu, trình Ty quản lý dân cư Bắc Ninh, 24/2/1937, Tài liệu của Nha quản lý dân cư Bắc Bộ (Fonds dela Résident Supérieure du Tonkin) (RST) 79.879, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, Hà Nội, Việt Nam; Lê Bá Khải, Đại diện của nhân dân, trình Ty quản lý dân cư Quảng Yên, 12/10/1921, RST 79.879; Quy chế của hội từ thiện Tập Phúc Hội (*Statuts de la société de bienfaisance dite Tap-Phuc-Hoi*), Hòn Gai, 20/7/1939. RTS 79.879; Quy chế của Liên -Sơn Quảng Thiên Hội, Vĩnh Yên, 1939, RST 79.879; Tổng đốc Nam Định trình Ty quản lý dân cư Nam Định, số 7343, *Đối tượng: Việc các hội của người bản xứ*, 22/10/1926, Tài liệu của Ty quản lý dân cư Nam Định (ND) (Fonds dela Résident du Nam Dinh) 1203.
15. Quy chế của hội Chí Thiện (*Status de l'association "Chi Thien"*). Bắc Kạn 17/7/1939, RTS 79.879.
16. Tổng đốc Nam Định trình Ty quản lý dân cư Nam Định, 22/10/1926, số 3743, ND 1203.
17. Ty quản lý dân cư Phú Thọ trình Nha quản lý dân cư Bắc Bộ, số 489, 17/7/1906, trang 7, RST 75.780.
18. Báo cáo số 878 của huyện Thanh Oai, 19/5/1906, Tài liệu của tỉnh Hà Đông (HD) (Fonds dela Province de Ha Dong) 3484, Thảm họa: Những biện pháp phòng ngừa trong trường hợp có những thảm họa mới (*Disettes: Mesures preventives à prendre en cas des nouvelles disettes*), 1906.
19. Servoise, Ty quản lý dân cư Hưng Yên trình Nha quản lý dân cư Bắc Bộ, số 3176, 29/10/1926, "Những Hội tương tế bản xứ" (a/s organisation mutualistes indigenes). RST 74.542 Những chỉ dẫn cần thiết cho báo cáo của Đại hội 5 của sự tương hỗ thuộc địa của các nước dưới chế độ bảo hộ tại Pari (*Renseignement necessaries pour le rapport au Ve congrès de la mutualité colonale et des pays de protectorat à Paris*), 1926.
20. Chỉ huy quân sự tỉnh Cao Bằng trình Nha quản lý dân cư Bắc Bộ, 9/9/1926, Ty quản lý dân cư Hải Dương trình Nha quản lý dân cư Bắc Bộ (n.d), RST 74.542.
21. Chỉ huy quân sự tỉnh Hải Ninh trình Nha quản lý dân cư Bắc Bộ, 28/9/1926, RST 74.542.
22. Virginia Thompson, *Pháp Đông Dương*. New York: Công ty MacMillan, 1937, 223.
23. Như trên, 224.
24. Để miêu tả sinh động cảnh ngộ của nông dân nghèo và những kẻ cho vay nặng lãi, xem Ngô Vinh long, *Trước Cách mạng*. Cambridge: MIT press, 1973.
25. Thompson, 225.
26. Nguyễn Văn-Marshall, *Các vấn đề về giảm đói nghèo ở Việt Nam thời Pháp thuộc*. Luận án Tiến sĩ, Đại học British Columbia, Vancouver, Canada, 2002, chương 4.
27. Thompson, 226.
28. Như trên, 227.
29. Ty quản lý dân cư Hà Nam trình Nha quản lý dân cư Bắc Bộ, số 150, khoảng 28/7/1906, trang 3, RST 75.780.
30. Ty quản lý dân cư Phú Thọ trình Nha quản lý dân cư Bắc Bộ, Số 489, 17/7/1906, trang-7, RST 75.780.
31. Trung tá Téttert trình Nha quản lý dân cư Bắc Bộ, Số 219, 17/7/1906, "Các quy tắc thực hiện trong những thảm họa" (A.S.des mesure à prendre en cas de disette), RST 75.780 Ủy ban phụ trách việc nghiên cứu các biện pháp phòng tránh thiên tai sau mất mùa ở Bắc Bộ (*Commision chargé d'étudié les mesures priventives contre les disettes apré d'insuffissantes récoltes du riz au Tonkin*), 1906-7.
32. Lê Huy Ruật, "Những "hội tương trợ" ở thôn quê", *Thanh Nghị*, 11/4/1924, 16-19.